

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 582/2023/HC-PT
Ngày 25 tháng 7 năm 2023

*V/v “Khiếu kiện quyết định giải quyết
khiếu nại; quyết định thu hồi giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu
cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng
đất”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Vũ Ngọc Huynh

Ông Phan Nhựt B

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 148/2023/TLPT-HC ngày 14 tháng 3 năm 2023 “*Khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại; quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 138/2022/HC-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 509/2023/QĐPT-HC ngày 28 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Ông Tô Thanh T, sinh năm 1964 (vắng mặt)

2. Bà Ngủ Hồng P, sinh năm 1965 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 78, ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh K.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, bà P: Luật sư Đặng Khải N – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện T.

Người đại diện theo pháp luật ông Trần Minh T, chức vụ: Chủ tịch.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

Địa chỉ: Thị trấn T, huyện T, tỉnh K.

Người đại diện theo ủy quyền ông Trần Minh V, chức vụ: Phó chủ tịch (vắng mặt).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K.

Địa chỉ: Số 06 N, phường V, thành phố R, tỉnh K.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh N, chức vụ: Phó Chủ tịch (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phùng Quốc B, chức vụ: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Tô Bữu T, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh K.

2. Bà Tô Kim T, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 11, ấp Kinh 9, thị trấn T, huyện T, tỉnh K.

Người kháng cáo: người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Tô Thanh T, bà Ngũ Hồng P trình bày:

Ông Tô Văn M và bà Lê Thị T (cha mẹ của ông Tô Thanh T) có 08 người con chung. Tất cả các anh, chị em đều có gia đình ở riêng, còn lại ông T có vợ bà Ngũ Hồng P sống chung.

Cha mẹ còn sống có tạo lập và để lại diện tích đất 19.350m², đến năm 1986, ông M chết. Từ đó, ông T, bà P tiếp tục sử dụng đất cha mẹ để lại và khai phá thêm diện tích 41.425m², trong đó có 1.000m² đất thổ cư.

Năm 1992, ông T kê khai đăng ký được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (CNQSD) đất số 18513 ngày 09/9/1993, diện tích 60.775m².

Năm 1996 ông T, bà P cho ông Tô Bữu T mượn 3.000m², bà Tô Kim T mượn 4.000m² đất để canh tác (ông T, bà T là anh, em ruột với ông T).

Năm 1997 xảy ra tranh chấp, ông T, bà T khởi kiện vụ án dân sự chia thừa kế tại Tòa án nhân dân huyện T. Qua các lần xét xử, Tòa án nhân dân tỉnh K đình chỉ giải quyết vụ án vì không thuộc thẩm quyền, chuyển thẩm quyền giải quyết vụ việc cho UBND huyện T giải quyết.

Ngày 15/3/2000 UBND huyện T ra Quyết định số 126/2000/QĐ-UB giải quyết, chấp nhận một phần đơn của ông T, bà T, thu hồi giấy CNQSD đất của ông T, điều chỉnh diện tích đất cho ông T, bà T mỗi người 5.000m². Ông T, bà P không đồng ý tiếp tục khiếu nại nhưng không được giải quyết.

Ngày 01/6/2001 ông T, bà P nhận được Quyết định số 61/QĐ-TTR ngày 07/5/2001 của Chánh Thanh tra tỉnh K giải quyết khiếu nại của ông Tô Bữu T,

nội dung công nhận Quyết định số 126/QĐ-UBND ngày 15/3/2000, đồng thời điều chỉnh diện tích đất cho ông T sử dụng lên 6.732m², bà T sử dụng lên 5.992m², ông, bà tiếp tục khiếu nại nhưng chưa được giải quyết.

Ngày 09/8/2005 UBND huyện T ra Quyết định số 1321/2005/QĐ-UB thu hồi giấy CNQSD đất mang tên ông Tô Thanh T để điều chỉnh diện tích đất và cấp giấy CNQSD đất cho ông T, bà T, theo đó ông T, bà P tiếp tục khiếu nại.

Ngày 08/10/2009 Chủ tịch UBND huyện T ra Quyết định số 2546/2009/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại không chấp nhận khiếu nại của ông T, bà P; khẳng định việc cấp giấy CNQSD đất cho ông T, bà T là đúng quy định.

Ngày 10/11/2009, ông T và bà P khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện T yêu cầu giải quyết:

+ Hủy Quyết định số 1321/QĐ-UB ngày 09/8/2005 của UBND huyện T về việc thu hồi giấy CNQSD đất của hộ ông Tô Thanh T.

+ Hủy hai giấy CNQSD đất số AN 208723 và số AN208724 ngày 22/9/2008 của UBND huyện T đã cấp cho ông Tô Bửu T và bà Tô Kim T.

Ngày 16/01/2018 ông Tô Thanh T, bà Ngũ Hồng P khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh K yêu cầu giải quyết: Hủy Quyết định số 61/QĐ-TTr ngày 07/5/2001 của Chánh Thanh tra tỉnh K (được ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh K).

Tại Văn bản số: 1521/UBND-NC ngày 02 tháng 11 năm 2020, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K trình bày:

Diện tích đất 60.775m² (đo đạc thực tế) tại ấp Đ, xã T, huyện T trước năm 1985 là của ông Tô Văn M cùng vợ chồng con trai là ông Tô Thanh T sử dụng cất nhà ở và làm ruộng. Thời điểm này, ông Tô Bửu T và bà Tô Kim T là anh, em ruột của ông T đã có gia đình và ở riêng; ông T đi bộ đội còn vợ Ngũ Hồng P và con vẫn ở chung nhà với ông M.

Năm 1985, ông M bị bệnh, bà P có con nhỏ nên diện tích 60.775m² đất trên không sản xuất, do đó ông T nhận diện tích đất này canh tác được một năm nhưng không có hiệu quả, sau đó giao lại cho gia đình bà T.

Năm 1986 ông M chết (không để lại di chúc), năm 1987 ông T xuất ngũ về và được gia đình bà T giao trả lại toàn bộ diện tích đất này cho ông T canh tác. Năm 1993, ông T được UBND huyện T cấp giấy CNQSD đất diện tích 60.775m².

Vào năm 1995, 1996 ông T cho gia đình ông T mượn sử dụng diện tích 122,08m² đất thổ cư và 5.992m² đất ruộng, cho gia đình bà T mượn sử dụng diện tích 103,93m² đất thổ cư và 6.732m² đất ruộng. Cũng trong năm 1996, ông T đòi lại phần diện tích đất ruộng cho mượn, nhưng ông T, bà T không đồng ý với lý do: Diện tích đất này là của cha mẹ để lại và yêu cầu được chia để sử dụng, việc tranh chấp UBND xã T hòa giải không thành; sau đó Chủ tịch UBND huyện T ra Quyết định số 126/QĐ-UB ngày 15/3/2000, giải quyết cho ông T và bà T mỗi hộ được sử dụng diện tích đất 5.000m², đồng thời thu hồi giấy CNQSD đất đã cấp cho ông T để điều chỉnh diện tích đúng thực tế. Ông T không đồng ý, làm đơn khiếu nại đến UBND tỉnh K.

Xét thấy việc Chủ tịch UBND huyện T giải quyết với nội dung nêu trên là hợp tình, hợp lý, nhưng về diện tích đất giải quyết cho ông T và bà T chưa đúng với hiện trạng sử dụng đất thực tế của 02 hộ này. Do đó, Chánh Thanh tra tỉnh (được Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền tại Quyết định số 1911/1999/QĐ-UB ngày 25/9/1999) ban hành Quyết định số 61/QĐ-TTr ngày 07/5/2001, giải quyết công nhận Quyết định số 126/QĐ-UB ngày 15/3/2000 của Chủ tịch UBND huyện T, đồng thời điều chỉnh cho ông Tô Bửu T sử dụng diện tích 6.732m² và bà Tô Kim T sử dụng diện tích 5.992m² là đúng quy định của pháp luật đất đai.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:

Về nguồn gốc đất, việc sử dụng đất và cấp giấy CNQSD đất cho ông Tô Thanh T theo như Chủ tịch UBND tỉnh trả lời.

Năm 1996, ông T đòi lại phần đất ruộng ông T và bà T đang sử dụng với lý do cho mượn sản xuất. Ông T và bà T trình bày đất là do cha mẹ để lại nên đòi chia phần diện tích 30.000m². Từ đó phát sinh tranh chấp, ông T và bà T làm đơn khiếu nại, UBND xã hòa giải không thành. UBND huyện T ra Quyết định số 126/QĐ-UB ngày 15/3/2000 giải quyết tranh chấp, ông T không đồng ý khiếu nại. Theo đó, ngày 07/5/2001 được Chánh Thanh tra tỉnh giải quyết tại Quyết định số 61/QĐ-TTr có điều chỉnh diện tích đất cho ông T sử dụng 6.732m², bà T sử dụng 5.992m² và sau đó được Thanh tra Chính phủ kết luận.

Quá trình thực hiện kết luận trên, UBND huyện T đã chỉ đạo cho Thanh tra huyện và Phòng Tài nguyên và Môi trường kết hợp cùng với chính quyền địa phương mời các đương sự có liên quan đến làm việc, nhưng ông T, bà P mời nhiều lần không đến mà cho rằng công thành quả tương đương với giá trị thị trường.

Ngày 22/9/2008 UBND huyện lập thủ tục cấp giấy CNQSD đất số AN 208723 ngày 22/9/2008, thửa 1646, tờ bản đồ số 13 với diện tích 6.732m² cho ông Tô Bửu T và giấy CNQSD đất số AN208234, thửa số 1645, tờ bản đồ số 13 với diện tích 5.992m² đất cho bà Tô Kim T, ông T, bà P khiếu nại. Ngày 08/10/2009 UBND huyện T đã ra Quyết định số 2546/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại không thừa nhận.

Nay UBND huyện T đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông T, bà P.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Tô Bửu T và bà Tô Kim T trình bày:

Nguồn gốc đất là của cha mẹ để lại, khi qua đời không để lại di chúc. Ông T sử dụng diện tích 6.732m², bà T sử dụng 5.992m² từ năm 1994 đến năm 1996 thì tranh chấp với ông Tô Thanh T, được chính quyền các cấp giải quyết xong. Đến ngày 22/9/2008 ông T, bà T được cấp giấy CNQSD đất.

Ông T, bà P khởi kiện là không đúng, ông T và bà T yêu cầu Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, bà P.

Tại Bản án số 138/2022/HC-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh K đã quyết định:

- Căn cứ các Điều 30, 32, 35, 116, 158, 164, 193, 194 Luật Tổ tụng hành chính;

- Căn cứ Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, Tố cáo năm 2004, năm 2005;
- Căn cứ Điều 49 Luật Đất đai năm 2003;
- Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Điều 32 của Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tô Thanh T, bà Ngũ Hồng P về việc yêu cầu hủy các quyết định sau:

Quyết định số 126/2000/QĐ-UB ngày 15/3/2000 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc Giải quyết đơn của ông Tô Bữu T và bà Tô Kim T cư ngụ tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh K;

Quyết định số 61/QĐ-TTr ngày 07/5/2001 của Chánh Thanh tra tỉnh K (được ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K) về việc Giải quyết đơn của ông Tô Bữu T cư ngụ tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh K;

Quyết định số 1321/QĐ-UB ngày 09/8/2005 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Tô Thanh T cư ngụ tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh K;

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 208723 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 22/9/2008 cho ông Tô Bữu T;

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 208724 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 22/9/2008 cho bà Tô Kim T;

Quyết định số 2546/QĐ-UBND ngày 08/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Ngũ Hồng P cư ngụ tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh K.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 27/9/2022, người khởi kiện ông Tô Thanh T và bà Ngũ Hồng P kháng cáo theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện bà Ngũ Hồng P cùng Luật sư Đặng Khải N trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô Thanh T, bà Ngũ Hồng P về việc yêu cầu hủy:

Quyết định số 126/2000/QĐ-UB ngày 15/3/2000 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc Giải quyết đơn của ông Tô Bữu T và bà Tô Kim T cư ngụ tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh K;

Quyết định số 61/QĐ-TTr ngày 07/5/2001 của Chánh Thanh tra tỉnh K (được ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K) về việc Giải quyết đơn của ông Tô Bữu T cư ngụ tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh K;

Quyết định số 1321/QĐ-UB ngày 09/8/2005 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Tô Thanh T cư ngụ tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh K;

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 208723 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 22/9/2008 cho ông Tô Bửu T;

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 208724 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 22/9/2008 cho bà Tô Kim T;

Quyết định số 2546/QĐ-UBND ngày 08/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Ngũ Hồng P cư ngụ tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh K..

Với các lý do:

Việc giải quyết của Chủ tịch UBND các cấp là sai thẩm quyền, vì đất này đã có giấy CNQSD đất, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, việc giải quyết khi không có đơn tranh chấp về thừa kế là không đúng thủ tục. Đất có nguồn gốc do ông Tô Văn M để lại, bà và ông T trực tiếp quản lý sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Tô Thanh T; ông T, bà T sử dụng đất là do mượn, các cấp chính quyền giải quyết không đúng, nên yêu cầu hủy các quyết định giải quyết khiếu nại và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T, bà T. Còn việc giải quyết của chính quyền có đề cập ông T, bà T trả tiền công cải tạo đất, bà P yêu cầu tiền công cải tạo đất bằng với giá trị đất của ông T, bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Bửu T và ông Nguyễn Ngọc C là người đại diện theo ủy quyền của bà Tô Kim T đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm, bác kháng cáo của người khởi kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung, Người khởi kiện ông Tô Thanh T, bà Ngũ Hồng P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới. Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên. Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Tô Thanh T, bà Ngũ Hồng P; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K ông Phùng Quốc B được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K ông Nguyễn Thanh N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ông Tô Thanh T, bà Ngũ Hồng P yêu cầu Tòa án giải Quyết hủy quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T, của Chủ tịch UBND tỉnh K; Quyết định thu hồi giấy CNQSD đất và yêu cầu hủy hai Giấy CNQSD đất của UBND huyện T là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính, còn thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh K theo quy định tại Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét tính hợp pháp của các quyết định bị kiện

[2.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành các quyết định:

Cụ Tô Văn M (chết năm 1986) và cụ Lê Thị T (chết năm 1973) tạo lập được diện tích đất theo đo thực tế là 60.775m² tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh K sử dụng làm nhà ở và canh tác, các cụ có 08 người con chung (trong đó có ông Tô Bửu T, ông Tô Thanh T và bà Tô Kim T). Ông Tô Thanh T và vợ Ngũ Hồng P sống chung với cụ M và cùng sử dụng diện tích đất này.

Năm 1985, cụ M bệnh, bà P có con nhỏ, ông T đi bộ đội, lo phần đất bị đưa vào tập đoàn sản xuất nên ông Tô Bửu T nhận sử dụng được một năm không hiệu quả nên giao lại cho vợ chồng bà Tô Kim T sử dụng.

Năm 1986, cụ M chết không để lại di chúc, ông T xuất ngũ về, vợ chồng bà T giao đất lại cho ông T sử dụng. Đến ngày 09/9/1993 ông T được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 18513.

Năm 1995, ông T, bà T quay về được ông T, bà P giao cho ông T một nền nhà và 3.000m² đất, giao cho bà T một nền nhà và 4.000m² đất để canh tác. Năm 1996, ông T, bà P đòi lại đất nên xảy ra tranh chấp. Ông T, bà T yêu cầu được chia 30.000m² đất trong tổng số đất do cụ M để lại. Tòa án nhân dân huyện T xét xử bằng Bản án dân sự sơ thẩm số 20/DS-ST ngày 24/3/1999 và Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử phúc thẩm bằng Bản án số 132/DS-PT ngày 04/9/1999 hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án do không thuộc thẩm quyền.

Ông T, bà T cho rằng đất của cha, mẹ để lại, anh, em trong gia đình thống nhất để lại cho ông, bà 30.000m² đất nên đòi lại từ ông Tô Thanh T. Vụ việc hòa giải không thành, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 126/2000/QĐ-UB ngày 15/3/2000 giải quyết thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông T để điều chỉnh cho ông T, bà T mỗi người 5.000m², ông T không đồng ý nên khiếu nại.

Ngày 07/5/2001, Chánh Thanh tra tỉnh K (được Chủ tịch UBND tỉnh K ủy quyền giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 1911/QĐ-UB ngày 25/9/1999) ban hành Quyết định số 61/QĐ-TTr giải quyết công nhận Quyết định số 126/2000/QĐ-UB của Chủ tịch UBND huyện T và điều chỉnh diện tích thực tế cho ông T đang sử dụng là 6.732m², của bà T đang sử dụng là 5.992m². Ông T, bà P có đơn khiếu nại đến Thanh tra Chính phủ và được giải quyết theo Kết luận số 1149/KL-TTCTP ngày 12/6/2006.

Thực hiện kết luận nêu trên, Chủ tịch UBND tỉnh K ban hành Văn bản số 590/UBND-NCPC ngày 22/9/2006 giao cho Chủ tịch UBND huyện T tổ chức thực hiện theo Quyết định số 61/QĐ-TTr và Kết luận số 1149/KL-TTCTP.

Theo đó, ngày 09/8/2005, UBND huyện T ban hành Quyết định số 1321/2005/QĐ-UB thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Tô Thanh T để điều chỉnh lại và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà T.

Ông T, bà P tiếp tục khiếu nại. Ngày 08/10/2009, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 2546/2009/QĐ-UBND giải quyết không chấp nhận khiếu nại của ông T, bà P.

Xét các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T, của Chánh Thanh tra tỉnh K (được Chủ tịch UBND tỉnh K ủy quyền giải quyết khiếu nại), quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Tô Thanh T và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Tô Bửu T, bà Tô Kim T của UBND huyện T được ban hành là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại các Điều 20, 23, 27, 38, 45, 53 Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998; Điều 49 Luật Đất đai năm 2003.

[2.2] Về nội dung:

- Xét nguồn gốc đất:

Người khởi kiện ông Tô Thanh T cho rằng cha mẹ của ông là cụ Tô Văn M (chết năm 1986) và cụ Lê Thị T (chết năm 1973) khi còn sống có tạo lập và để lại diện tích đất 19.350m². Sau khi cụ M chết, ông T, bà P tiếp tục sử dụng đất cha mẹ để lại và khai phá thêm diện tích 41.425m², trong đó có 1.000m² đất thổ cư. Năm 1992, ông T kê khai đăng ký và được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 18513 ngày 09/9/1993, diện tích 60.775m².

Phía người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Tô Bữu T và bà Tô Kim T (em của ông T) thì cho rằng toàn bộ diện tích đất trên là do cha mẹ để lại và các anh, em trong gia đình đã thống nhất giao lại cho ông T, bà T 30.000m² đất để canh tác nhưng vợ chồng ông T không đồng ý nên xảy ra tranh chấp.

- Xét quá trình giải quyết tranh chấp:

Xét thấy, thực hiện theo Bản án dân sự phúc thẩm số 132/DS-PT ngày 04/9/1999 của Tòa án nhân dân tỉnh K đã có hiệu lực pháp luật, Chủ tịch UBND huyện T giải quyết khiếu nại lần đầu, Chánh thanh tra tỉnh K (được Chủ tịch UBND tỉnh K ủy quyền) giải quyết khiếu nại lần hai, được Thanh tra Chính phủ tổ chức tiếp xúc, đối thoại và có Kết luận số 1149/KL-TTCP ngày 12/6/2006 giải quyết cuối cùng với nội dung:

“Qua tiếp xúc đối thoại và động viên các bên đương sự đã thống nhất thực hiện Quyết định số 61/QĐ-TTr ngày 07/5/2001 của Chánh Thanh tra tỉnh K được UBND tỉnh ủy quyền và chấm dứt khiếu nại. Tuy nhiên vợ chồng ông T đề nghị ông T, bà T phải hỗ trợ một phần chi phí công sức cải tạo đất đối với diện tích được giao cho ông T là hợp lý.

Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng giao đất cho ông T, bà T theo quyết định giải quyết cuối cùng của UBND tỉnh, sau khi các bên đương sự đã thống nhất vị trí; Chủ trì tính toán các khoản chi phí đầu tư hợp lý của ông Tô Thanh T trên diện tích đất giao cho ông T, bà T để các hộ này có trách nhiệm hỗ trợ lại cho ông T....”.

Như vậy, liên quan đến phần đất tranh chấp nêu trên, ông Tô Thanh T, bà Ngũ Hồng P đã đồng ý giao đất cho ông T, bà T theo Quyết định số 61/QĐ-TTr ngày 07/5/2001 của Chánh Thanh tra tỉnh K (được UBND tỉnh K ủy quyền) và chấm dứt việc khiếu nại. Đối với các khoản chi phí đầu tư hợp lý của ông Tô Thanh T trên diện tích đất đã giao cho ông T, bà T thì ông T, bà P có quyền khởi kiện yêu cầu ông T, bà T hoàn trả bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Tô Thanh T, bà Ngũ Hồng P; giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện ông Tô Thanh T, bà Ngũ Hồng P phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Tô Thanh T, bà Ngũ Hồng P; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tô Thanh T, bà Ngũ Hồng P về việc yêu cầu hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 126/2000QĐ-UB ngày 15/3/2000 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc Giải quyết đơn của ông Tô Bữu T và bà Tô Kim T cư ngụ tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh K;

- Quyết định số 61/QĐ-TTr ngày 07/5/2001 của Chánh Thanh tra tỉnh K (được ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K) về việc Giải quyết đơn của ông Tô Bữu T cư ngụ tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh K;

- Quyết định số 1321/QĐ-UB ngày 09/8/2005 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Tô Thanh T cư ngụ tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh K;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 208723 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 22/9/2008 cho ông Tô Bữu T;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 208724 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 22/9/2008 cho bà Tô Kim T;

- Quyết định số 2546/QĐ-UBND ngày 08/10/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của bà Ngũ Hồng P cư ngụ tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh K.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện ông Tô Thanh T, bà Ngũ Hồng P mỗi người phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm số 0001991, 0001992 ngày 27/9/2022 (do bà Trần Tuyết Nhi nộp thay) của Cục thi hành án dân sự tỉnh K.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh K;
- VKSND tỉnh K;
- Cục THADS tỉnh K;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Minh